Lesson Sheet

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

Modern Classrooms and Digital Learning

• Học sinh có thể thảo luận về việc sử dụng thiết bị số trong học tập tại trường học.

• Học sinh phân biệt và vận dụng chuẩn xác thì hiện tại hoàn thành (Present Perfect) và quá khứ đơn (Past Simple).

Grammar: Present Perfect vs. Past Simple (Experience & Finished Time)

Thì hiện tại hoàn thành (have/has + V3/ed) diễn tả trải nghiệm từ trước đến nay (ever, never) hoặc hành động đã xảy ra nhưng không nêu thời gian cụ thể (already, yet, recently). Ngược lại, thì quá khứ đơn (V2/ed) dùng cho h ành động đã kết thúc tại một thời điểm xác định trong quá khứ (yesterday, last week, in 2023).

Present Perfect: S + have / has + V3/ed | Past Simple: S + V2/ed (specific past time)

Khởi động và làm quen từ vựng về công nghệ học tập · 10 phút
Học sinh thảo luận cặp đôi về các thiết bị dùng trong học tập và chia sẻ lợi ích cùng khó khăn khi dùng máy tính.

Đọc hiểu bài văn ngắn và thực hành ngữ pháp Hiện tại hoàn thành · 20 phút
Học sinh đọc bài văn 169 từ, tìm các câu miêu tả thói quen dùng máy tính và trả lời câu hỏi đọc hiểu.

Luyện nghe hội thoại thầy trò và thảo luận nhóm · 15 phút
Học sinh nghe cuộc trò chuyện giữa thầy Watson và Maya, sau đó thực hành chia sẻ kinh nghiệm học tập trực tuyến.

Viết đoạn văn ngắn và làm bài trắc nghiệm củng cố · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn 80-120 từ về thiết bị học tập và hoàn thành 8 câu trắc nghiệm của bài học.

Vocabulary Worksheet

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

device /dɪˈvaɪs/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

collaborate /kəˈlæbəreɪt/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

interactive /ˌɪntərˈæktɪv/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

screen time /ˈskriːn taɪm/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

upload /ˌʌpˈləʊd/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

distraction /dɪˈstrækʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

connection /kəˈnekʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

software /ˈsɒftweə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

Present Perfect vs. Past Simple (Experience & Finished Time)

Present Perfect: S + have / has + V3/ed | Past Simple: S + V2/ed (specific past time)

Choose the sentence that correctly uses the Present Perfect tense:
A. Our school has bought new laptops yesterday.
B. Our class has used this learning software many times.
C. Our class has used this learning software two weeks ago.

Fill in the blank: 'Maya _____ a virtual experiment before.'
A. has never tried
B. never tried yesterday
C. is never trying

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

Digital Learning in Our School

In recent years, digital tools have become common in many secondary school classrooms. Instead of carrying heavy piles of printed books, many students now use lightweight laptops or tablets. Teachers frequently write lesson notes on interactive whiteboards, and classes share study materials through a school website. For example, students can collaborate online on group presentations or complete science exercises using simulation software from home. Many teenagers find this method engaging because they can search for helpful videos and review grammar quizzes at their own speed. However, learning with electronic devices also brings practical challenges. Spending several hours in front of a computer screen often causes eye fatigue and headaches. In addition, games and chat notifications can easily become a major distraction when students should focus on homework. Some classmates also face technical trouble when their home internet connection is slow. For these reasons, teachers advise students to balance digital learning with paper notebooks and regular screen breaks. Turning off social apps during study hours helps everyone learn more effectively.

According to the reading passage, what physical problems can spending several hours at a screen cause?
A. Eye fatigue and headaches
B. Loss of memory and sleepwalking
C. Severe toothache

What advice do teachers give students in the reading text?
A. Stop using paper notebooks completely
B. Play video games before doing homework
C. Balance digital learning with paper notebooks and regular screen breaks

---

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

A Teacher-Student Conversation on Schoolwork

Lần nghe 1: Nghe để hiểu dự án học tập mà Maya đã nộp cho thầy Watson và bạn ấy làm việc cùng ai.
Lần nghe 2: Nghe kỹ thời điểm Maya tải bài lên và lời khuyên của thầy Watson về việc nghỉ giải lao cho mắt.

When did Maya upload her science slides according to the conversation?
A. Yesterday evening
B. This morning
C. Two days ago

What health advice does Mr Watson give Maya?
A. Study in a dark room
B. Take a short screen break every thirty minutes
C. Never complete homework on a laptop

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

Write a short paragraph (80-120 words) about using digital devices for school study.

Độ dài tham khảo: 80–120 từ.

• Câu mở đoạn: Giới thiệu việc sử dụng thiết bị số trong học tập của học sinh.

• Thân đoạn: Nêu một hoặc hai lợi ích (tìm tài liệu nhanh, làm bài nhóm dễ dàng) và một khó khăn (xao nhãng, mỏi mắt).

• Câu kết đoạn: Đưa ra lời khuyên để sử dụng thiết bị hiệu quả và lành mạnh.

Checklist

¡Có câu chủ đề nêu rõ ý chính và câu kết đoạn đưa ra lời khuyên.

¡Sử dụng đúng thì quá khứ đơn hoặc hiện tại hoàn thành ít nhất một lần.

¡Độ dài nằm trong khoảng 80-120 từ.

Speaking Card

B1 · Week 1 · Session 1 · b1-w01-s1 · v1 draft

Discuss the pros and cons of using digital devices for schoolwork with a classmate.

What digital devices do you use for your school assignments?

What is one benefit of using apps or websites for study?

What distractions do you experience when using screens at home?

Bố mẹ quan sát

¡Nêu được cả ưu điểm và nhược điểm của thiết bị số trong học tập.
¡Sử dụng từ nối chỉ sự đối lập đơn giản (however, on the other hand).

Từ vựng gợi ý

device · collaborate · interactive · screen time · upload · distraction · connection · software